TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 79/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 25-8-2017
Về việc tranh chấp xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Võ Quốc Quân.

2. Dương Thanh Hải.

- ***Thư ký phiên tòa****:* Ông Nguyễn Ân Tình là thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

Ngày 25 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2017/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2017 về việc "Tranh chấp xin ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2017/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trang Kim N, sinh năm: 1987 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã M, huyện H, tỉnh Cà Mau.

2. *Bị đơn:* Anh Quách Thanh P, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã M, huyện H, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 23 tháng 5 năm 2017 và biên bản hòa giải ngày 24 tháng 7 năm 2017 chị Trang Kim N trình bày:

Chị Trang Kim N và anh Quách Thanh P kết hôn với nhau năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Cà Mau. Chị N xác định trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, anh P rượu chè về cự cải, xúc phạm vợ con. Chị N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu xin ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị N và anh P có 02 người con chung tên Quách D, sinh ngày 27 tháng 12 năm 2005 và Quách A, sinh ngày 05 tháng 4 năm 2009. Sau khi ly hôn các con

có nguyện vọng theo chị N thì chị N nuôi dưỡng không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Chị N và anh P tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản hòa giải ngày 24 tháng 7 năm 2017 anh Quách Thanh P trình bày:

Về hôn nhân: Thời gian đăng ký kết hôn và nơi đăng ký kết hôn như chị N trình bày là đúng. Trong cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng không trầm trọng, anh P còn thương vợ, con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 người con tên, tuổi như chị N trình bày là đúng. Nếu ly hôn các con có nguyện vọng theo anh P thì anh P nuôi dưỡng, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Anh P và chị N tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo đơn thể hiện nguyện vọng ngày 28 tháng 6 năm 2017 của cháu Quách D và Quách A. Các cháu đều thể hiện nguyện vọng theo chị N.

Tại phiên tòa hôm nay chị Trang Kim N vẫn bảo lưu quan điểm là yêu cầu ly hôn với anh Quách Thanh P. Về con nếu các con có nguyện vọng theo chị N thì chị N đồng ý nuôi dưỡng, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, nợ thu, nợ trả chị N và anh P tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với anh P vắng mặt nên không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Quách Thanh P đã được Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ nhưng anh P vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Quách Thanh P tại phiên tòa.

[2] Về hôn nhân: Chị Trang Kim N và anh Quách Thanh P kết hôn năm 2004 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Cà Mau. Vì vậy hôn nhân giữa chị N và anh P là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh P là thực tế có xảy ra vì cả chị N và anh P đều thừa nhận. Tuy nhiên anh P cho rằng mâu thuẫn là không trầm trọng nên anh P không đồng ý ly hôn. Xét thấy, mặt dù anh P xác định mâu thuẫn giữa anh P và N là không trầm trọng nhưng tại phiên tòa hôm nay chị N vẫn cương quyết xin ly hôn, đối với anh P vắng mặt và cũng không đưa ra được biện pháp để hàng gắn tình cảm vợ chồng, nếu kéo dài tình cảm giữa chị N và anh P thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật luật Hôn

nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh P.

[3] Về con chung: Chị N và anh P có 02 người con chung tên Quách D, sinh ngày 27/12/2005 và Quách A, sinh ngày 05/4/2009. Xét thấy, cháu D và cháu A hiện nay đã hơn 07 tuổi và hai cháu đều có nguyện vọng theo chị N và chị N đồng ý nuôi dưỡng nên căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu D và cháu A cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp. Chị N không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về phần tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Chị N và anh P tự thỏa không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5]Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thương vụ Quốc Hội. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị N phải nộp là: 300.000 đồng. Phần dự nộp của chị chị N được chuyển thu.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh Quách Thanh P tại phiên tòa.

Áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thương vụ Quốc Hội. Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trang Kim N được ly hôn với anh Quách Thanh P.

- Về con chung: Giao con tên Quách D, sinh ngày 27 tháng 12 năm 2005 và Quách A, sinh ngày 05 tháng 4 năm 2009 cho Trang Kim N nuôi dưỡng. Phần cấp dưỡng nuôi con chị Trang Kim N không yêu cầu nên không xem xét.

Anh Quách Thanh P có quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con theo quy định của pháp luật nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con để cản trở việc nuôi con của chị Trang Kim N.

- Về tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Chị Trang Kim N và anh Quách Thanh P tự thỏa thuận không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

- Về án phí: Chị Trang Kim N phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là: 300.000 đồng. Phần dự nộp của chị Trang Kim N là: 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0013633 ngày 23 tháng 5 năm 2017 được đối trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKS nhân dân huyện H;
- Chi cục THA dân sự huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Minh Khánh